

Bản án số: 369/2017/HSPT

Ngày: 05-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 379/2017/HSPT ngày 01-11-2017, đối với bị cáo Đinh Thị Kim N và các bị cáo khác, về tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2017/HSST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Đinh Thị Kim N, sinh năm: 1984, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; con ông Đinh Văn H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; bị cáo có chồng là Trần Đăng Q, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017 được bảo lãnh tại ngoại, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị Phi L (tên gọi khác: U), sinh năm: 1984 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1946; bị cáo có chồng là Nguyễn Chí A, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017, được bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thị Bạch Y, sinh năm: 1976 tại tỉnh Hậu Giang;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: đường N, thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; bị cáo có chồng là Đoàn Văn S, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: có 01 tiền sự, ngày 22-6-2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi “Đánh bạc”, mức phạt tiền

là 1.500.000 đồng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017, được bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Anh K (tên gọi khác: R), sinh năm: 1983 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017 được bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1976 tại tỉnh Khánh Hoà.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà; chỗ ở hiện nay: đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1941 và bà: Trang Thị Đ, sinh năm 1948; bị cáo có chồng là Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017 được bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Huỳnh Thị Thu T nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L, Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K, Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Thị Thu S đi uống cà phê tại quán cà phê NS, do chị Phạm Thị H làm chủ, địa chỉ tại: tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, N, L, Y, K, T và S cùng rủ nhau đánh bạc, dưới hình thức Xì lát, được thua bằng tiền thì được cả nhóm đồng ý và nhờ chị Nguyễn Thị Ngân P, trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đi mua giúp 02 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá đem về để trên sàn gỗ tầng một của quán cà phê, rồi chị P đi xuống phòng bếp tầng trệt để làm việc. Sau đó, N, L, Y, K, T và S quy ước mỗi người chơi gọi là tụ làm cái ba ván, xoay vòng cho nhau và tham gia đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng mỗi ván. Lúc này, N, L, Y, K, T và S ngồi trên năm tấm đệm lót bằng vải tại sàn gỗ tầng một nhà sàn của quán cà phê trên làm chiếu bạc và dùng bài Tú Lơ Khơ làm công cụ và tham gia đánh bạc, dưới hình thức Xì lát, được thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, các đối tượng đang đánh bạc, do Huỳnh Thị Thu T cầm cái (N đặt cược số tiền 100.000 đồng; L đặt cược số tiền 100.000 đồng; Y đặt cược số tiền 100.000 đồng; K đặt số tiền 50.000 đồng và S đặt cược số tiền 50.000 đồng), chưa phân định kết quả thắng thua thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L, Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K, Huỳnh Thị Thu T và Nguyễn Thị Thu S, đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, thu giữ tại sòng bạc số tiền 7.650.000 đồng, 02 bộ bài Tú lơ khơ và 05 tấm đệm. Tạm giữ trên người các đối tượng tài sản gồm: của Đinh Thị Kim N số tiền 8.900.000 đồng; của Bùi Thị Phi L số tiền 1.500.000 đồng và 01

chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng trắng, có số Imei 865251030789591; của Trần Thị Bạch Y số tiền 1.460.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng, số Imei 352857030482204; của Nguyễn Anh K số tiền 1.450.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, số Imei 863318013226818 và 01 điện thoại di động hiệu ASUS, màu xanh đen, số Imei 352260070604701; của Huỳnh Thị Thu T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 354890083288742; của Nguyễn Thị Thu S số tiền 1.070.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, số Imei 863660031151159. Qua điều tra xác định số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo Đinh Thị Kim N là 12.400.000 đồng, bị cáo Bùi Thị Phi L là 3.700.000 đồng, bị cáo Trần Thị Bạch Y là 2.520.000 đồng, bị cáo Nguyễn Anh K là 2.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Thu S là 1.070.000 đồng và Huỳnh Thị Thu T là 340.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 219/2017/HSST ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị Kim N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt: Tính từ ngày thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Phi L (U) 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt: Tính từ ngày thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bạch Y 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt: Tính từ ngày thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh K (R) 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt: Tính từ ngày thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt: Tính từ ngày thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo Huỳnh Thị Thu T, quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-10-2017 và ngày 06-10-2017, các bị cáo Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S vẫn giữ nguyên nội

dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Đinh Thị Kim N đã sử dụng số tiền lớn để đánh bạc, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án là cao nhất; bị cáo Trần Thị Bạch Y, có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Về mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Ngân là 01 năm 03 tháng tù và xử phạt bị cáo Yên là 07 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định. Đối với các bị cáo Bùi Thị Phi L (U), Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp và tương xứng với hành vi của các bị cáo, tuy nhiên việc cách ly các bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò tham gia có phần hạn chế, điều kiện và hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo L hiện bị bệnh hiểm nghèo (Ung thư vòm họng), các bị cáo đều có nhân tốt và có nơi cư trú có rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị Bạch Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N và bị cáo Y; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Phi L (U), Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Phi L (U) 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm; bị cáo Nguyễn Anh K (R) 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng; bị cáo Nguyễn Thị Thu S 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với người kháng cáo là bị cáo Đinh Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin hoãn phiên tòa, tuy nhiên sự vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 245 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 29-6-2017, tại quán cà phê NS ở địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R), Nguyễn Thị Thu S và Huỳnh Thị Thu T cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài Xì lát. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại sòng bạc số tiền là 7.650.000 đồng và thu giữ trên người các con bạc số tiền là 14.380.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 22.030.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đinh Thị Kim N, Bùi Thị Phi L (U), Trần Thị Bạch Y, Nguyễn Anh K (R) và Nguyễn Thị Thu S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo Đinh Thị Kim N 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Bùi Thị Phi L 01 năm tù, bị cáo Trần Thị Bạch Y 07 tháng tù, bị cáo Nguyễn Anh K 09 tháng tù và bị cáo Nguyễn Thị Thu S 09 tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hoàn cảnh gia đình khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Đinh Thị Kim N đã sử dụng số tiền lớn để đánh bạc (12.400.000đ), tính chất, mức độ hành vi phạm tội là nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác; bị cáo Trần Thị Bạch Y, có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo N và bị cáo Y với xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo. Do đó kháng cáo của bị cáo N và bị cáo Y xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận. Đối với các bị cáo Bùi Thị Phi L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Thị Thu S, thì tính chất, mức độ tham gia trong vụ án có phần hạn chế hơn so với bị cáo N, mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, việc cách ly các bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo L hiện đang bị bệnh hiểm nghèo (Ung thư vòm họng). Xét thấy, các bị cáo Bùi Thị Phi L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Thị Thu S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L, K và S, không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự theo dõi, giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, có ích cho xã hội và cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đinh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị Bạch Y phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Bùi Thị Phi L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Thị Thu S, được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị Bạch Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị Bạch Y.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Phi L (tên gọi khác: U), Nguyễn Anh K (tên gọi khác: R) và Nguyễn Thị Thu S, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị Phi L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Thị Thu S.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị Kim N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bạch Y 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29-6-2017 đến ngày 09-7-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị Phi L (tên gọi khác: U) 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: R) 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu S 09 (chín) tháng tù

về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đinh Thị Kim N và bị cáo Trần Thị Bạch Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Thị Phi L, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Thu S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- THAHS Công an Tp. B;
- UBND phường T, Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Bình